

令和 7 年度 就学先教育相談の申込書

(ベトナム語)

Đơn đăng ký tư vấn giáo dục nơi đi học niên học 2025

☆この相談は、発達支援学級・特別支援学校を検討されている方が対象です。
Tư vấn này dành cho đối tượng là những Vị có ý định xem xét về Lớp học trợ giúp phát triển / Trường trợ giúp đặc biệt.
☆相談の際に参考にさせていただきますので、差し支えない範囲でご記入ください。
Vi dùng để tham khảo khi tư vấn nên xin hãy điền thông tin vào phạm vi mà Quý vị cảm thấy không bất tiện.

(ふりがな) chữ KataKana お子さんの氏名 Họ tên học sinh	()	男 Nam	(ふりがな) chữ KataKana 保護者の氏名 Họ tên phụ huynh	()
国籍 Quốc tịch		女 Nữ	通訳 Thông dịch	必要 cần (Tiếng) ・ 不要 không cần
生年月日 Ngày tháng năm sinh	Năm Heisei平成 年tháng 月ngày 日		続柄 Mối quan hệ	
住所 Địa chỉ	〒 —		電話 Số điện thoại	
			携帯電話 (所有者) Số di động (người sở hữu)	()
現在通っている幼稚園・ 保育園等 Tên trường mẫu giáo trẻ đang học	/ Chưa đi mẫu giáo 未就園		学区の小学校 Tên trường thuộc khu vực nhà	Trường Tiểu học 小学校

■家 族 Gia đình							
氏 名 Họ tên	(年 齢) số tuổi	続柄 Mối quan	会社名 Tên công ty	氏 名 Họ tên	(年 齢) số tuổi	続柄 Mối quan	会社名 Tên công ty
()				()			
()				()			
()				()			

■これまでに利用された（現在継続されている）療育・相談・医療機関・手帳について					
Về nơi tư vấn, nơi phục hồi chức năng, cơ quan y tế, sổ tay từ trước đến nay sử dụng (đang sử dụng)					
療育 Nơi trị liệu và giáo dục (Phục hồi chức năng)	左の欄に○をつけてください Hãy khoanh tròn vào ô bên trái		場所・名称 Địa điểm / Tên		期間 継続中の場合は 現在も に○ Thời gian Nếu vẫn đang tiếp tục thì hãy khoanh vào chữ hiện tại
	たんぽぽ広場 Tanpopo Hiroba				歳 か月 現在も tuổi tháng ~ tuổi tháng Hiện tại
	就園前親子グループ Câu lạc bộ mẹ con trước khi đi mẫu giáo				歳 か月 現在も tuổi tháng ~ tuổi tháng Hiện tại
	併行/並行通園 Nơi đi học song song vừa học mẫu giáo vừa sử dụng nơi trị liệu		週 Tuần__回lần Thứ__曜日		歳 か月 現在も tuổi tháng ~ tuổi tháng Hiện tại
	ことばの教室 Lớp học nói				歳 か月 現在も tuổi tháng ~ tuổi tháng Hiện tại
	その他 Ngoài ra				歳 か月 現在も tuổi tháng ~ tuổi tháng Hiện tại
相談 Tư vấn	浜松市発達相談支援センター（ルピロ） Trung tâm tư vấn giúp đỡ phát triển thị xã Hamamatsu（Rupiro）				歳 か月 現在も tuổi tháng ~ tuổi tháng Hiện tại
	相談支援事業所 Cơ quan giúp đỡ tư vấn ()				歳 か月 現在も tuổi tháng ~ tuổi tháng Hiện tại

医療機関 Cơ quan y tế	医療機関名 Tên cơ quan y tế	受診科、リハビリ、心理、 言語 Khoa bệnh, vật lý trị liệu, tâm lý, ngôn ngữ	受診期間 Thời gian khám bệnh	診断 Chẩn đoán	服薬・検査 Thuốc và kiểm tra
	例) ○○病院 Thí dụ : bệnh viện ○○	小児科 (○○医師) Khoa nhi (bác sĩ ○○) 言語 (△△先生) Ngôn ngữ (giáo viên ○○)	2歳1か月から現在も Từ 2 tuổi 1 tháng đến hiện tại cũng vậy 3歳2か月～5歳0か月 Từ 3 tuổi 2 tháng ~ 5 tuổi 0 tháng	A D H D ・ 言語の遅れ Tăng động, giảm chú ý / Chậm nói	発達検査72 Kiểm tra phát triển 72 服薬なし・Không dùng thuốc

発達検査・ 知能検査 Kiểm tra Phát triển / Kiểm tra Trí tuệ	検査実施機関名 Tên cơ quan kiểm tra	検査者 Người kiểm tra	検査日 Ngày kiểm tra	検査名 Tên mục kiểm tra	検査結果 (可能な範囲で詳しく御 記入ください) Kết quả kiểm tra (Xin hãy ghi chi tiết trong phạm vi có thể)	その他 (検査予定がある場合は御 記入ください) Khác (Nếu có dự đ ịnh kiểm tra hãy ghi vào)
						検査名や実施予定日等 Chẳng hạn như tên kiểm tra, ngày dự định thực thi

手帳 Sổ tay	手帳を取得されていましてら、「・」に○をご記入ください。 Hãy khoanh tròn vào 「・」 nếu có sổ tay					
	・身体障害者手帳 (Cấp 級) Sổ tay người khuyết tật thân thể		・療育手帳 (A ・ B) Sổ tay phục hồi chức năng		・精神障害者保健福祉手帳 Sổ tay phúc lợi xã hội y tế về thần kinh	

4 ～ 8 月の平日 9:00 ～ 15:30 の間に相談を実施します (土日祝を除く)。日程調整に使用しますので、都合のつかない日に×をお願いします。 Tháng 4 ～ 8 sẽ thực thi tư vấn vào ngày thường từ 9:00 ～ 15:30 (trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ). Xin hãy đánh dấu × vào ngày bất tiện của Quý vị.																											
Tháng 4 月				Tháng 5 月				Tháng 6 月				Tháng 7 月				Tháng 8 月											
Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu			
								1	2	2	3	4	5	6		1	2	3	4					1			
				5	6	7	8	9	9	10	11	12	13	13	7	8	9	10	11	4	5	6	7	8			
				12	13	14	15	16	16	17	18	19	20	20	14	15	16	17	18	11	12	13	14	15			
21	22	23	24	25	19	20	21	22	23	23	24	25	26	27	21	22	23	24	25								
28	29	30			26	27	28	29	30	30					28	29	30	31									

＊相談日は事務局で調整して各ご家族にご連絡致します。Ngày tư vấn sẽ điều chỉnh và liên hệ đến từng gia đình.
＊裏面もあります Có mặt sau.

Xin hãy điền tình trạng hiện tại và tình trạng nuôi dưỡng con em vào đây (Hãy khoanh tròn vào câu trả lời bên dưới. Có thể chọn nhiều câu trả lời.)

* 個人情報、就学指導の目的以外には使用いたしません。

Thông tin cá nhân này chỉ sử dụng với mục đích chỉ đạo đi học, ngoài ra không sử dụng cho việc gì khác.